

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 322/2022/DS-PT
Ngày 15-11-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Trần Tấn Quốc

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 15 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 303/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 331/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lương Văn H, sinh năm 1976.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lương Thị P, sinh năm 1952; cùng cư trú tại: Số G, Quốc lộ A, khu phố T, phường K thành phố T, tỉnh Long An (theo Văn bản ủy quyền ngày 12/5/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trương Thị Thanh T là Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T.

- Bị đơn: Ông Trần Bá H1, sinh năm 1965; cư trú tại: Số G, đường H, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn là ông Lương Văn H.

(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 09/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông **Lương Văn H** và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà **Lương Thị P** trình bày:

Vào năm 2020, ông **H** có đặt mua cây kiềng của ông **H1** với tổng giá trị là 350.000.000 đồng, gồm: 20 cây mai trị giá 250.000.000 đồng; 02 cây cần thăng trị giá 60.000.000 đồng và 01 cây khế trị giá 40.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận mua cây kiềng, ông **H** đã chuyển vào tài khoản của ông **H1** mở tại **Ngân hàng N Chi nhánh tỉnh L** 02 lần tiền, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 11/5/2020, ông **H** chuyển số tiền 150.000.000 đồng;
- Lần 2: Ngày 05/6/2020, ông **H** chuyển số tiền 200.000.000 đồng.

Sau đó, ông **H1** có giao cho ông **H** 06 cây mai vàng nhưng ông **H1** cho người đến chở về và bán cho người khác.

Ông **H** đã nhiều lần yêu cầu ông **H1** trả lại số tiền 350.000.000 đồng do ông **H** không mua cây của ông **H1** nữa nhưng ông **H1** không trả. Nay ông **H** khởi kiện yêu cầu ông **H1** trả số tiền 350.000.000 đồng.

* Bị đơn là ông **Trần Bá H1** trình bày:

Ông **H1** xác định vào năm 2020, ông và ông **H** có thỏa thuận mua bán cây kiềng tuy nhiên số lượng và giá trị cây như ông **H** trình bày là không đúng. Thực tế ông **H** thỏa thuận mua của ông **H1** tổng giá trị là 420.000.000 đồng gồm: 06 cây mai trị giá 120.000.000 đồng; 02 cây cần thăng trị giá 140.000.000 đồng và 01 cây khế trị giá 160.000.000 đồng. Ngày 05/5/2020, thông qua tài xế mà ông thuê, ông đã giao cho ông **H** 06 cây mai, người nhận là **S**. Sau đó, ông **H** có gọi điện nhờ ông bán lại 06 cây mai đó. Qua người quen, ông đã giới thiệu người tên "Tèo" đến mua 06 cây mai của ông **H**. Việc mua bán giữa ông **H** và **T1** như thế nào thì ông không biết. Đối với các cây kiềng còn lại, ông **H** bảo ông chờ ông **H** sắp xếp xong nơi để rồi sẽ đến chở về. Do vậy, hiện nay, các cây kiềng đó ông vẫn còn gửi tại **C**. Ông xác định ông chỉ nhận số tiền mua bán cây là 150.000.000 đồng vào ngày 11/5/2020 và ông đã giao 06 cây mai như trên. Đối với số tiền 200.000.000 đồng mà ông **H** chuyển khoản cho ông vào ngày 05/6/2020 thì không phải để trả tiền mua cây mà là trả cho khoản tiền 500.000.000 đồng mà ông **H** đã vay của ông ngày 03/5/2020. Khi vay ông **H** thỏa thuận sẽ trả cho ông trong vòng một tháng. Đến hạn trả nợ, ông **H** không trả nên ngày 04/6/2020, ông đã gọi điện nhắc, ông **H** hẹn 15 giờ 30 phút sẽ gọi lại cho ông và hứa sẽ trả tiền cho ông vào ngày 05/6/2020 rồi yêu cầu ông nhấn số tài khoản của ông cho số thuê bao 0932 815 566 để ông **H** chuyển tiền. Ngày 05/6/2020, ông **H** đã chuyển khoản cho ông **H1** số tiền 200.000.000 đồng vào lúc 11 giờ 05 phút, cùng ngày, ông **H** nhắn tin với nội dung là 14 giờ 30 phút sẽ chuyển tiếp cho ông 100.000.000 đồng và đã chuyển như nội dung tin nhắn. Khoảng 16 giờ cùng ngày 05/6/2020, ông **H** đã đến **Ngân hàng X** tại **T** rút số tiền 200.000.000 đồng trả cho ông **H1**.

Do 06 cây mai vàng có tổng giá trị là 120.000.000 đồng, ông H đã chuyển khoản cho ông H1 số tiền 150.000.000 đồng nên nếu ông H không nhận số cây kiểng còn lại thì ông H1 đồng ý trả cho ông H số tiền 30.000.000 đồng.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 18/8/2022, Tòa án nhân dân thành phố Tân An đã căn cứ vào Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trần Bá H1 trả cho ông Lương Văn H 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 22/8/2022, nguyên đơn là ông Lương Văn H kháng cáo không đồng ý một phần bản án dân sự sơ thẩm, cụ thể: Ông H yêu cầu ông Trần Bá H1 trả 350.000.000 đồng phát sinh từ hợp đồng mua bán cây kiểng.

Nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Trương Thị Thanh T có ý kiến trình bày:*

- Biên nhận xác lập giữa ông Lê Nguyễn Đình T2 với ông Nguyễn Quốc H2 ngày 05/5/2020 và Hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng xe ô tô xác lập giữa ông Trần Bá H1 với ông Nguyễn Quốc H2 ngày 05/5/2020 không thể hiện việc ông Lương Văn H có nhận 06 cây mai vàng từ ông Trần Bá H1.

- Ông H1 cho rằng vào ngày 03/5/2020, ông H1 có thỏa thuận miệng cho ông H vay số tiền 500.000.000 đồng nên số tiền 200.000.000 đồng mà ông H chuyển vào tài khoản của ông H1 ngày 05/6/2020 là để trả số tiền nợ đã vay chứ không phải tiền mua cây kiểng. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án này, ông H không thừa nhận có vay bất cứ số tiền nào từ ông H1. Tại Vi bằng số 274/2021/ViB-TPL.LA do Văn phòng T3 lập ngày 10/12/2021 không thể hiện việc ông H chuyển số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản của ông H1 ngày 05/6/2020 là để trả số tiền nợ đã vay.

- Tại Bản sao kê của Ngân hàng N Chi nhánh tỉnh L thể hiện nội dung ngày 11/5/2020, ông H có chuyển cho ông H1 số tiền 150.000.000 đồng và ngày 05/6/2020, ông H có chuyển cho ông H1 số tiền 200.000.000 đồng chứ không có nội dung ông H chuyển khoản để trả số tiền nợ vay cho ông H1.

Như vậy, ông H1 có nhận tổng cộng 350.000.000 đồng tiền mua cây kiềng do ông H chuyển khoản, ông H1 cho rằng trong tổng số 350.000.000 đồng có số tiền 200.000.000 đồng là ông H trả số tiền 500.000.000 đồng đã vay ngày 03/5/2020 nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh ông H có vay số tiền này.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông H, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn H, buộc ông H1 trả cho ông H tổng cộng 350.000.000 đồng.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của ông Lương Văn H thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại sơ thẩm cũng như phúc thẩm, nguyên đơn cho rằng đã chuyển khoản cho bị đơn 02 lần để trả tiền mua cây kiềng, lần 1 là 150.000.000 đồng, lần 2 là 200.000.000 đồng. Bị đơn chỉ thừa nhận nhận số tiền trả tiền cây là 150.000.000 đồng, riêng số tiền 200.000.000 đồng, bị đơn cho rằng đây là tiền ông H trả tiền vay của số tiền vay 500.000.000 đồng. Ngoài ra bị đơn còn cho rằng ông H có trả tiền vay 02 lần khác nữa, 1 lần là ông C chuyển 100.000.000 đồng và 1 lần là ông H trả tiền mặt. Thấy rằng trong vụ án này nguyên đơn tranh chấp hợp đồng mua bán, cụ thể đòi lại số tiền mua cây.

Đối với số tiền cây 150.000.000 đồng theo giấy nộp tiền ngày 11/5/2020 có nội dung ghi “nộp tiền” và có dòng chữ viết tay ghi A H3 chuyển khoản tiền cây. Ông H1 thừa nhận có nhận số tiền này, ông H1 đồng ý trả lại số tiền 30.000.000 đồng. Xét thấy việc giao nhận cây là có, còn việc ông H3 cho rằng không đồng ý nhận cây và ông H1 đã chở cây đi thì ông H3 phải có nghĩa vụ chứng minh nhưng ông H3 không chứng minh được. Do đó án sơ thẩm buộc ông H1 trả số tiền 30.000.000 đồng là có cơ sở.

Đối với số tiền 200.000.000 đồng theo giấy nộp tiền ngày 5/6/2020 có nội dung ghi "A Huệ ck", ông H1 cho rằng số tiền này là ông H3 trả tiền vay, chứng minh bằng việc cùng ngày 05/6/2020, ông C có chuyển khoản 100.000.000 đồng với nội dung "chuyển tiền anh H1" và các nội dung tin nhắn thể hiện tại Vi bằng. Xét thấy mặc dù ông H3 không thừa nhận có nhờ ông C chuyển khoản 100.000.000 đồng nhưng xuất phát từ nội dung chuyển tiền cũng như nội dung tin nhắn thể hiện tại Vi bằng thì có thể xác định ông H3 có chuyển số tiền 100.000.000 đồng, còn số tiền 200.000.000 đồng ông H1 cho rằng ông H3 trả tiền mặt thì ông H3 không thừa nhận có việc vay tiền và ông H1 cũng chưa đưa ra được chứng cứ chứng minh trong vụ án này. Do đó, đối với số tiền ông H1 cho rằng xuất phát từ hợp đồng vay thì ông H1 có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác, còn trong vụ án này, hai bên có xác lập quan hệ mua bán và có việc ông H3 chuyển 200.000.000 đồng cho ông H1 nên cần sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc ông H1 trả cho ông H3 200.000.000 đồng.

Từ ý kiến và quan điểm trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lương Văn H, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lương Văn H thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về việc ông Lương Văn H kháng cáo yêu cầu ông Trần Bá H1 trả 350.000.000 đồng phát sinh từ hợp đồng mua bán cây kiểng:

Xét trong quá trình giải quyết vụ án này, phía ông H và phía ông H1 trình bày thống nhất vào năm 2020, các đương sự có thỏa thuận bằng lời nói (bằng miệng) về việc mua bán cây kiểng.

Tuy nhiên, các đương sự trình bày không thống nhất về giá trị hợp đồng, số lượng cây kiểng và số tiền đã thanh toán. Phía ông H cho rằng ông thỏa thuận mua của ông H1 tổng cộng 350.000.000 đồng tiền cây kiểng gồm: 20 cây mai giá 250.000.000 đồng, 02 cây cần thăng giá 60.000.000 đồng và 01 cây khê giá 40.000.000 đồng. Vào ngày 11/5/2020, ông H có chuyển khoản cho ông H1 số tiền 150.000.000 đồng và ngày 05/6/2020, ông H chuyển khoản tiếp cho ông H1 số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản của ông H1 mở tại Ngân hàng N Chi nhánh tỉnh L. Trước khi ông H chuyển số tiền 150.000.00 đồng, ông H1 có giao cho ông H 06 cây mai vàng nhưng sau đó ông H1 cho người đến chở về và bán cho người khác nên ông H khởi kiện yêu cầu ông H1 trả số tiền 350.000.000 đồng.

Còn phía ông H1 cho rằng ông có thỏa thuận bán cho ông H tổng cộng 420.000.000 đồng tiền cây kiềng gồm: 06 cây mai giá 120.000.000 đồng, 02 cây cần thăng giá 140.000.000 đồng và 01 cây khế giá 160.000.000 đồng. Vào 05/5/2020, ông H1 có giao cho ông H 06 cây mai vàng cho người nhận là ông S do ông H đề nghị giao. Tuy nhiên, sau đó, ông H gọi điện thoại nhờ ông H1 kiểm người bán dùm 06 cây mai và ông H1 giới thiệu người tên T1 đến gặp ông H, việc thỏa thuận mua bán giữa ông H và ông T1 thì ông H1 không biết. Ông H1 thừa nhận ngày 11/5/2020, ông có nhận số tiền 150.000.000 đồng và ngày 05/6/2020, ông có nhận số tiền 200.000.000 đồng do ông H chuyển khoản vào tài khoản của ông H1 mở tại Ngân hàng N Chi nhánh tỉnh L. Trong đó, số tiền 150.000.000 đồng là ông H thanh toán tiền mua 06 cây mai, còn số tiền 200.000.000 đồng là ông H trả số tiền 500.000.000 đồng đã vay của ông H1 vào ngày 03/5/2020.

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Đối với số tiền 150.000.000 đồng: Xét ông H thừa nhận trước khi ông chuyển số tiền 150.000.000 đồng cho ông H1 vào ngày 11/5/2020 thì ông H có nhận 06 cây mai vàng do ông H1 giao. Ông H cho rằng sau khi giao 06 cây mai vàng thì ông H1 cho người đến chuyển đi để bán cho người khác nhưng ông H1 không thừa nhận và ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Trong khi đó, tại Vi bằng số 274/2021/ViB-TPL.LA do Văn phòng T3 lập ngày 10/12/2021 thì thể hiện ông H có nhắn tin cho ông H1 số điện thoại của một người tên S. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 09/8/2022, ông S thừa nhận ông H1 điện thoại cho ông và có giao 06 cây mai vàng cho ông H. Do đó, việc ông H1 trình bày đã giao cho ông H 06 cây mai vàng theo Biên nhận xác lập giữa ông Lê Nguyễn Đình T2 với ông Nguyễn Quốc H2 ngày 05/5/2020 và Hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng xe ô tô xác lập giữa ông Trần Bá H1 với ông Nguyễn Quốc H2 ngày 05/5/2020 là có cơ sở. Tuy nhiên, do các đương sự trình bày thống nhất là không biết 06 cây mai vàng mà ông H1 đã giao cho ông H hiện nay đang ở đâu nên không thể trưng cầu thẩm định giá trị của 06 cây mai này. Phía ông H cũng không biết giá trị của 06 cây mai vàng là bao nhiêu nên chấp nhận lời trình bày của ông H1 về tổng giá trị 06 cây mai vàng đã giao cho ông H là 120.000.000 đồng. Do ông H đã giao cho ông H1 số tiền 150.000.000 đồng nên buộc ông H1 có nghĩa vụ hoàn trả cho ông H số tiền 30.000.000 đồng. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xử buộc ông H1 có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 30.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với số tiền 200.000.000 đồng: Ông H1 cho rằng vào ngày 03/5/2020, ông H1 có thỏa thuận miệng cho ông H vay số tiền 500.000.000 đồng nên số tiền 200.000.000 đồng mà ông H chuyển vào tài khoản của ông H1 ngày 05/6/2020 là để trả số tiền nợ đã vay chứ không phải tiền mua cây kiềng. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án này, ông H không thừa nhận có vay bất cứ số tiền nào từ ông H1. Tại Vi bằng số 274/2021/ViB-TPL.LA do Văn phòng T3 lập ngày 10/12/2021 không thể hiện việc ông H chuyển số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản của ông H1 ngày 05/6/2020 là để trả số tiền nợ đã vay.

Hơn nữa, tại Bản sao kê của Ngân hàng N Chi nhánh tỉnh L thể hiện nội dung ngày 11/5/2020, ông H có chuyển cho ông H1 số tiền 150.000.000 đồng và ngày 05/6/2020, ông H có chuyển cho ông H1 số tiền 200.000.000 đồng chứ không có nội dung thể hiện ông H chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng để trả số tiền nợ đã vay cho ông H1.

Còn đối với số tiền 100.000.000 đồng mà ông Hồ Văn C1 chuyển vào tài khoản của ông H1 ngày 05/6/2022, ông H1 cho rằng ông H mượn số tiền này từ ông C1 để trả số tiền 500.000.000 đồng đã vay vào ngày 03/5/2020. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông H trình bày không quen biết ông C1 và ông H không có mượn cũng như không có nhờ ông C1 chuyển số tiền 100.000.000 đồng để trả nợ cho ông H1, còn ông H thì hiện đang bị tạm để phục vụ công tác điều tra trong một vụ án hình sự khác nên không thể làm rõ vấn đề này. Do đó, việc ông H1 cho rằng ông H có vay của ông H1 số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 03/5/2020 thì ông H1 có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Từ nhận định trên, xét ông H1 có nhận tổng cộng 350.000.000 đồng do ông H chuyển khoản, ông H1 cho rằng trong tổng số 350.000.000 đồng chỉ có 150.000.000 đồng là tiền mua cây kiềng, còn số tiền 200.000.000 đồng còn lại là ông H trả số tiền 500.000.000 đồng đã vay ngày 03/5/2020 nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh ông H có vay số tiền này. Do đó, việc ông H kháng cáo yêu cầu ông H1 trả số tiền 200.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Từ nhận định ở đoạn [3], Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lương Văn H, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên.

Xét đề nghị của Luật sư Trương Thị Thanh T là có cơ sở một phần nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 26, 27, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Lương Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với một phần yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận là: $05\% \times (350.000.000 \text{ đồng} - 230.000.000 \text{ đồng}) = 6.000.000 \text{ đồng}$.

Ông Trần Bá H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn H được Tòa án chấp nhận là: $05\% \times 230.000.000 \text{ đồng} = 11.500.000 \text{ đồng}$.

Ông **Lương Văn H** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông **Lương Văn H**.

- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 18/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 430, 431, 432, 433, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Lương Văn H** về việc yêu cầu ông **Trần Bá H1** trả số tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán cây kiểng.

Buộc ông **Trần Bá H1** có nghĩa vụ trả cho ông **Lương Văn H** số tiền 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Lương Văn H** về việc yêu cầu ông **Trần Bá H1** trả số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông **Lương Văn H** phải nộp 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 8.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005035 ngày 15/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An tỉnh Long An nên hoàn trả cho ông **H** 2.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm còn thừa.

Buộc ông **Trần Bá H1** phải nộp 11.500.000 đồng (mười một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho ông **Lương Văn H** 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001796 ngày 26/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thành phố Tân An;
- Chi cục THADS thành phố Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tuấn